

Số: 13/2024/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 01 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 75/TTr-STC ngày 16 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp); danh mục tài sản cố định đặc thù tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông.

2. Các nội dung khác liên quan đến chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính và văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông.



2. Doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông.

3. Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông áp dụng các quy định tại Quyết định này để quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định.

Điều 3. Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp); danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông

1. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục tài sản cố định đặc thù được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính và nội dung quy định tại Quyết định này thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~11~~ tháng 7 năm 2024.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Đắk Nông;
- Báo Đắk Nông; Đài PT&TH tỉnh;
- Các PCVP UBND;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT (HT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Chiến

Phụ lục I
QUY ĐỊNH DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số **13** /2024/QĐ-UBND ngày **07** /7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (%/năm)
Loại 1	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả		
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học	25	4
2	Quyền tác giả khác	25	4
Loại 2	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Bằng phát minh, sáng chế	20	5
2	Quyền sở hữu công nghiệp khác	25	4
Loại 3	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Bằng bảo hộ giống cây thân gỗ và cây leo thân gỗ	25	4
2	Bằng bảo hộ giống cây trồng khác	20	5
Loại 4	Phần mềm ứng dụng		
1	Nhóm phần mềm hệ thống	5	20
2	Nhóm phần mềm ứng dụng	5	20
3	Nhóm phần mềm công cụ	5	20
4	Nhóm phần mềm tiện ích	5	20
5	Phần mềm khác	5	20
Loại 5	Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)	5	20



Phụ lục II
QUY ĐỊNH DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ
(Ban hành kèm theo Quyết định số **13** /2024/QĐ-UBND ngày **01** /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

STT	DANH MỤC
Loại 1	Cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng
1	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng gốm, sành, sứ
2	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng kim loại
3	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng gỗ
4	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng thủy tinh
5	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng đất, đá
6	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng xương, ngà
7	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng vải
8	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng da
9	Nhóm cổ vật, hiện vật khác
Loại 2	Di tích lịch sử
1	Di tích lịch sử cấp quốc gia
2	Di tích lịch sử cấp tỉnh
3	Di tích lịch sử được xếp hạng khác
Loại 3	Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập
Loại 4	Các tài liệu cổ, tài liệu quý hiếm...
Loại 5	Các loại tài sản cổ định đặc thù khác

